

Bản số: 31/2022/HNGS-ST

Ngày 03-6-2022

V/v "**Tranh chấp**

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ gày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Đào Thị D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Mai Vũ, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Mai Vũ, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 29/12/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đào Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 19/01/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Mai Vũ, xã Ninh Sơn. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 08/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh M ham chơi không chịu làm ăn, hai vợ chồng có cãi vã nhau, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh M không chịu cải sửa, làm ăn. Tháng 8/2018 chị đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Từ tháng 8/2018 thì hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thu Thủy, sinh ngày 08/01/2008 và Nguyễn Đức Hải, sinh ngày 22/4/2014. Hiện 02 con chung đang ở với chị do chị nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay phát triển bình thường. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Các con chị đều ở với chị từ nhỏ đến bây giờ được học hành và phát triển bình thường. Hiện chị đang làm giáo viên Trường mầm non Ninh Sơn thu nhập trung bình một tháng khoảng gần 7.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính 8 tiếng/ngày, được nghỉ thứ bảy, chủ nhật. Chị về ở với bố mẹ để có nhà đất, 03 mẹ con chị có nhà ở riêng, khi chị đi làm thì bố mẹ chị sẽ giúp chị đưa đón, chăm sóc các cháu.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đào Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh M. Tài sản chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án anh M đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh M về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nêu có yêu cầu nhưng anh M không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn M vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị D chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh M không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đào Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao cho chị D nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thu Thủy, sinh ngày 08/01/2008 và Nguyễn Đức Hải, sinh ngày 22/4/2014. Vấn đề cấp dưỡng chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị D phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị D và anh M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Đào Thị D. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị D và anh M xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh M có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, anh M ham chơi không chịu làm ăn, hai vợ chồng cãi vã nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị D, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh M vẫn không chịu cải sửa, làm ăn. Hai vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh M, thông báo hòa giải anh M cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị D, anh M xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và xác định chị D cùng con đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ khoảng tháng 08/2018 cho đến nay không về ở với anh M nữa. Xét mâu thuẫn giữa chị D, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu Thủy, sinh ngày 08/01/2008 và Nguyễn Đức Hải, sinh ngày 22/4/2014. Hiện nay các con chung đang ở với chị D. Ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Các con chị đều ở với chị từ nhỏ đến bây giờ được học hành và phát triển bình thường. Hiện chị đang làm giáo viên Trường mầm non Ninh Sơn thu nhập trung bình một tháng khoảng gần 7.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính 8

tiếng/ngày, được nghỉ thứ bảy, chủ nhật. Chị về ở với bố mẹ để có nhà đất, 03 mẹ con chị có nhà ở riêng, khi chị đi làm thì bố mẹ chị sẽ giúp chị đưa đón, chăm sóc các cháu, đủ điều kiện để nuôi con, tại bản tự khai của cháu Thủy và cháu Hải cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu ở với mẹ được học hành và phát triển bình thường. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng 02 con chung của chị D và giao cháu Thủy, Hải cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Thủy, cháu Hải. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đào Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thu Thủy, sinh ngày 08/01/2008 và Nguyễn Đức Hải, sinh ngày 22/4/2014. Vấn đề cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Đào Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006226 ngày 09/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Đào Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Ninh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân